

KINH TẾ ĐÊM: NGUỒN GỐC, QUAN NIỆM VÀ KHUNG PHÂN TÍCH

Lê Chí Công¹

¹*Khoa Du lịch, Trường Đại học Nha Trang*

* Email: conglechi@ntu.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/06/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 06/07/2024

Ngày chấp nhận đăng: 14/07/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu bước đầu luận bàn đến nguồn gốc, quan điểm, vai trò của kinh tế đêm. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trên thế giới, nghiên cứu đề xuất khung phân tích trọng tâm vào việc làm rõ yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đêm; các chỉ tiêu đo lường/đánh giá phát triển kinh tế đêm trên nền tảng của tiếp cận cung – cầu và sự hài lòng của khách hàng. Đặc biệt, sáu khía cạnh khác nhau về dịch vụ trong phát triển kinh tế đêm được chỉ ra như: (1) dịch vụ ăn uống ban đêm, (2) dịch vụ mua sắm ban đêm, (3) dịch vụ du lịch, (4) dịch vụ giải trí, (5) dịch vụ lưu trú, (6) dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Dựa trên sáu khía cạnh khác nhau, nghiên cứu này đề xuất khung phân tích, bộ chỉ tiêu cụ thể để đánh giá phát triển kinh tế đêm.

Từ khóa: chỉ số, khung phân tích, kinh tế đêm.

NIGHT ECONOMY: ORIGIN, CONCEPT AND ANALYTICAL FRAMEWORK

ABSTRACT

This paper initially discussed the origin, perspectives and roles of the night economy. Based on an overview of international research, the study proposes an analytical framework focusing on clarifying factors affecting the development of the night economy; and indicators for measuring/evaluating night economy development on the basis of supply – demand and customer satisfaction approaches. In particular, six different aspects of service vitality in night economic development are pointed out: (1) night – food services; (2) night – shopping services; (3) tourism services; (4) entertainment services; (5) accommodation services; (6) health care services. Based on six different aspects, this study proposes an analytical framework and a set of specific indicators to evaluate the development of the night economy.

Keywords: analytical framework, indicators, night economy.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển kinh tế đêm (NTE – “Night Time Economy”) đã và đang trở thành động lực chính cho sự phục hồi kinh tế đô thị sau đại dịch coronavirus (Covid-19). Thực tế cho

thấy, Covid-19 đã gây ra sự tàn phá nặng nề đối với nền kinh tế thế giới. Các rào cản đối với việc đi lại toàn cầu, các biện pháp kiểm dịch, hạn chế áp dụng các quy trình an toàn và sức khỏe toàn cầu, thiếu sự phối hợp giữa

các chính phủ và khu vực công, tư nhân cũng như làn sóng lây nhiễm thứ hai đều có thể gây ra thiệt hại lớn về kinh tế.

Khi các hạn chế về giãn cách xã hội được nới lỏng trên toàn cầu, du lịch nội địa sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tái thiết nền kinh tế. Phát triển NTE, bao gồm các hoạt động kinh tế diễn ra trong khoảng thời gian từ sáu giờ chiều hôm trước đến sáu giờ sáng hôm sau như các dịch vụ ăn uống, văn hóa, giải trí, nghệ thuật, lễ hội, sự kiện, thể thao, cuộc sống về đêm, du lịch và vận tải đang được ưu tiên phát triển tại các khu vực đô thị. NTE đóng nhiều vai trò trong việc thúc đẩy phát triển đô thị và nâng cao sức sống đô thị, trong đó quan trọng nhất bao gồm kích thích tăng trưởng kinh tế, tăng cơ hội việc làm, mở rộng tiêu dùng và cải thiện khả năng cạnh tranh và sức hấp dẫn của thành phố (Phạm Đình Long & Nguyễn Huỳnh Mai Trâm, 2021).

Trong bài nghiên cứu, tác giả trình bày nguồn gốc, quan điểm, vai trò của kinh tế đêm. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước, nghiên cứu đề xuất khung phân tích trọng tâm vào làm rõ yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đêm; các chỉ tiêu đo lường/đánh giá phát triển kinh tế đêm trên nền tảng của tiếp cận cung – cầu và sự hài lòng của khách hàng. Đặc biệt, sáu khía cạnh khác nhau về sức sống dịch vụ trong phát triển kinh tế đêm được chỉ ra, đó là: (1) *dịch vụ ăn uống ban đêm*, (2) *dịch vụ mua sắm ban đêm*, (3) *dịch vụ du lịch*, (4) *dịch vụ giải trí*, (5) *dịch vụ lưu trú*, (6) *dịch vụ chăm sóc sức khỏe*. Dựa trên sáu khía cạnh khác nhau, nghiên cứu này bước đầu đề xuất khung phân tích, bộ chỉ tiêu cụ thể để đánh giá phát triển kinh tế đêm.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu trong bài viết được sử dụng thông qua các phân tích, đánh giá lập luận để hình thành khung phân tích và chỉ tiêu để đánh giá phát triển kinh tế đêm tại Việt Nam. Dữ liệu chính nghiên cứu được thu thập, kế thừa từ các nghiên cứu trước đây về kinh tế đêm thông qua chọn lọc các nghiên cứu ở các quốc gia phát triển và luận giải cho phù hợp với bối cảnh tại Việt Nam.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nguồn gốc của khái niệm kinh tế đêm

Thuật ngữ “Kinh tế đêm” bắt nguồn từ vương quốc Anh vào những năm 1970. Tuy vậy, sự ra đời của hoạt động kinh tế này bắt nguồn từ một sự kiện văn hóa do Hội đồng Thành phố Rome điều hành giai đoạn 1977 – 1985 và ở các nước Châu Âu khác trong thập niên 70 của thế kỉ trước (Bianchini, 1995). Ở vương quốc Anh, khái niệm NTE được đề xuất để mô tả sự hồi sinh của nền kinh tế ban ngày định hướng sản xuất ở các trung tâm thành phố vốn đang suy giảm do phi công nghiệp hóa, thông qua việc kéo dài thời gian hoạt động sang cả buổi tối và ban đêm (Hollands & Chatterton, 2002). NTE là thước đo để giải thích các xu hướng khác nhau trong quản trị đô thị và kinh doanh tại các thành phố hậu công nghiệp của vương quốc Anh (Beer, 2011).

Dưới góc độ nghiên cứu, thuật ngữ NTE đã là một chủ đề được giới học thuật quan tâm kể từ những năm 90 của thế kỉ trước. Hầu hết các nghiên cứu đều tập trung vào việc phát triển các chiến lược, chính sách và kế hoạch liên quan đến phát triển NTE trên các phương diện: quản lý đô thị và duy trì trật tự, pháp luật (Beer, 2011). Theo Yeo và Heng (2014), nghiên cứu liên quan đến NTE tập trung vào bốn khía cạnh:

Một là, quy hoạch và phát triển: thiết kế và quy hoạch chính sách xoay quanh việc tái tạo đô thị và phát triển hoạt động NTE (Wolifso & Drozdzewski, 2017);

Hai là, quản lý và điều tiết: xây dựng các quy định về cuộc sống đêm liên quan đến giấy phép kinh doanh, tội phạm, mất trật tự, tiếng ồn, môi trường và các vấn đề an toàn (Philpot & cs., 2019);

Ba là, quản lý xã hội: phân tích các mô hình hành vi và hiện tượng xã hội của những người tham gia cuộc sống về đêm đi kèm với sự phát triển NTE từ các quan điểm xã hội học và nhân học (Monaghan, 2010);

Bốn là, giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh: giải quyết các rào cản đối với cuộc sống về đêm như tình trạng kinh tế xã hội, tuổi tác,

giới tính, sự khác biệt về văn hóa và tín ngưỡng tôn giáo (Hollands & Chatterton, 2002; Talbot, 2007).

Thông qua các nghiên cứu hàn lâm và thực nghiệm, các nhà nghiên cứu nhìn chung đã phân tích NTE như một hiện tượng văn hóa ở các thành phố hiện đại thông qua lăng kính nhân chủng học và xã hội học. Dưới cách nhìn này, những hiểu biết sâu sắc hơn về NTE và định hướng phát triển tốt hơn NTE ngày càng được khám phá. Tuy nhiên, cần có các nghiên cứu để đánh giá tác động kinh tế và xã hội của cuộc sống về đêm ở đô thị và NTE (Bianchini, 1995). Các chính quyền địa phương sẽ được hưởng lợi từ các chỉ số kinh tế có thể định lượng và so sánh được, từ đó cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, phân bổ nguồn lực và đánh giá chính sách. Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng các chỉ số đánh giá này để đưa ra những quyết định đầu tư, kế hoạch chiến lược hợp lý.

3.2. Quan niệm về kinh tế đêm

Theo Bianchini (1995), thuật ngữ “kinh tế đêm” luôn gắn liền với hoạt động tiêu dùng và các cơ hội kinh tế phát sinh trong các ngành dịch vụ (du lịch, giải trí, mua sắm, thể dục, văn hóa và ăn uống). Đặc điểm chủ đạo của NTE nhấn mạnh các hoạt động diễn ra vào ban đêm, chủ yếu là hành vi sản xuất hoặc tiêu dùng trong các ngành dịch vụ như hoạt động du lịch, giải trí và văn hóa (Bianchini, 1995). McArthur và cộng sự (2019) đề cập rằng “nền kinh tế” trong NTE được hiểu “chủ yếu được cấu thành bởi các hoạt động giải trí do các lĩnh vực văn hóa, giải trí và thực phẩm cung cấp, tức là các cơ hội tiêu dùng do nền kinh tế cung cấp”. Mao và cộng sự (2020) cho rằng các đặc điểm xã hội của thuật ngữ NTE liên quan đến các hoạt động hằng ngày và hành vi xã hội trong không gian công cộng của thành phố vào ban đêm. Trong khi Rowe và cộng sự (2008) nhấn mạnh hơn các khía cạnh xã hội khi cho rằng NTE là chuỗi các hoạt động và trải nghiệm gắn liền với giải trí và xã hội hóa vào ban đêm. Shaw (2010) đề xuất rằng NTE bao gồm các hoạt động ban đêm gắn liền với hoạt

động giải trí đô thị và cung cấp dịch vụ bán lẻ. Quan niệm này của Shaw tập trung nhiều hơn vào các thuộc tính kinh tế của thuật ngữ NTE. Trên cơ sở đó, Beer (2011) đã bổ sung giới hạn thời gian cho NTE, hạn chế nó đối với các hoạt động sản xuất và tiêu dùng trong khách sạn và giải trí diễn ra trong khoảng sáu giờ chiều đến sáu giờ sáng hôm sau (tức là từ hoàng hôn đến bình minh). Kết quả tổng hợp trên dẫn đến quan điểm về kinh tế đêm là: “NTE đề cập đến một loại hoạt động kinh tế diễn ra từ sáu giờ chiều hôm trước đến sáu giờ sáng hôm sau, bao gồm dịch vụ du lịch, phục vụ ăn uống ban đêm, mua sắm, giải trí, và tập thể dục” (Thomas & Bromley, 2000; Tiesdell & Slater, 2006).

3.3. Lợi ích và hạn chế của kinh tế đêm

3.3.1. Những lợi ích của kinh tế đêm

Sự phát triển của NTE đóng một vai trò và lợi ích nổi bật trong sự phát triển của các đô thị. *Thứ nhất*, tác động trực tiếp nhất của NTE là việc sử dụng nhiều hơn các cơ sở công cộng và thương mại trong thành phố vào ban đêm và tăng cơ hội việc làm (tức là bằng cách kéo dài thời gian hoạt động của nền kinh tế) (Bianchini, 1995). *Thứ hai*, sự phát triển NTE thúc đẩy việc mở rộng của ngành dịch vụ và khuyến khích tiêu dùng (Heath, 1997). Vì vậy, NTE có thể dẫn đến thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển ngành du lịch, nghỉ dưỡng và giải trí đồng thời thúc đẩy sự phát triển của các ngành bổ sung (dịch vụ ăn uống, vận tải và bán lẻ) (Hobbs & cs., 2005). *Thứ ba*, sự phát triển NTE giúp tăng cường khả năng cạnh tranh và sức hấp dẫn của thành phố so với các điểm đến khác, đây là chỉ báo quan trọng giúp thu hút lượng khách du lịch lựa chọn điểm đến. Chính quyền địa phương thường áp dụng các chiến lược tích cực “tạo lập ấn tượng trở lại” và “tiếp thị điểm đến” để tăng sức hấp dẫn của thành phố. NTE sẽ giúp địa phương thu hút các nhà đầu tư bên ngoài, cư dân lành nghề và các chuyên gia, làm thúc đẩy nền kinh tế địa phương phát triển (Hobbs & cs., 2005). *Thứ tư*, NTE mang lại cho du khách những lựa chọn tiêu dùng rất đa dạng và tăng trải nghiệm tích cực của khách du lịch (Grazian,

2008). Có thể thấy rằng, nếu trải nghiệm về thành phố của du khách thú vị và đáng nhớ thì họ có thể sẽ quay trở lại – với tư cách là một khách du lịch hoặc thậm chí có thể là một nhà đầu tư tiềm năng (Heath, 1997). Tương tự, nếu người dân địa phương thấy cuộc sống về đêm ở thành thị đẹp và thú vị, họ sẽ cởi mở hơn trong việc tham gia các hoạt động giải trí sau giờ làm việc.

3.3.2. Những hạn chế của kinh tế đêm

Bên cạnh những lợi ích nổi bật từ phát triển kinh tế đêm đã trình bày ở trên, tuy nhiên, thực tiễn vận hành vẫn còn tồn tại những điểm hạn chế nhất định. *Thứ nhất*, phát triển kinh tế đêm có thể gây ra tiếng ồn phát ra từ chính các địa điểm đến các khu nhà liền kề thông qua việc truyền thông tin hoặc qua âm thanh trong không khí, bên cạnh đó là tiếng ồn của người dân trên đường phố vào ban đêm (Hobbs & cs., 2005). *Thứ hai*, tình trạng bạo lực có thể xảy ra từ các hoạt động kinh tế đêm. Nghiên cứu gần đây cho thấy đến nay bạo lực trong phát triển kinh tế ban đêm chủ yếu do nam thanh niên gây ra. Bạo lực thường xuất hiện cao điểm vào cuối tuần và trong hoặc xung quanh các quán rượu và câu lạc bộ. Tình trạng bạo lực cũng liên quan đến việc xếp hàng chờ taxi và đồ ăn nhanh của chính khách hàng (Roberts & Eldridge, 2009). Những hiện tượng trên có thể làm méo mó hình ảnh tốt đẹp của việc phát triển kinh tế đêm và cần có nhiều giải pháp đồng bộ để hướng tới giảm thiểu những tác động tiêu cực và xây dựng nhiều hơn các giá trị tích cực từ hoạt động phát triển kinh tế đêm mang lại.

3.4. Đề xuất khung phân tích về phát triển kinh tế đêm

Dựa trên việc nghiên cứu, kế thừa từ các nghiên cứu trước đây về kinh tế đêm (chủ yếu các nghiên cứu từ các quốc gia phát triển). Nghiên cứu này luận giải và xác định 06 nhóm nhân tố sau làm tiền đề cho xây dựng khung phân tích.

Nhóm nhân tố 1: mức độ chiếu sáng và an toàn. Nhiều cải tiến về công nghệ trong lĩnh vực chiếu sáng đô thị đã tạo ra nền tảng

cho phát triển NTE ngày càng sôi động. Lovatt và O'Connor (1995) nhận định rằng với ánh sáng đầy đủ, màn đêm buông xuống không còn có nghĩa là các hoạt động kinh tế ngừng hoạt động mà là sự khởi đầu của một mô hình kinh tế mới. Bên cạnh đó, ngoài việc duy trì các hoạt động kinh tế, chiếu sáng vào ban đêm có thể nâng cao nhận thức về an toàn của cá nhân cũng như an ninh đường phố (Heath, 1997). Một số nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra rằng cường độ ánh sáng ban đêm phản ánh một phần sự phát triển kinh tế của một quốc gia/khu vực (Chen & Nordhaus, 2011; Henderson & cs., 2012). Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, mục tiêu không chỉ là xây dựng một chỉ số duy nhất thể hiện sức sống tổng thể của các hoạt động kinh tế vào ban đêm mà còn thiết lập một chỉ số định hướng thực tiễn để minh họa cấu trúc của NTE. Xem xét mối tương quan chặt chẽ giữa sức sống của các hoạt động kinh tế và mức tiêu thụ điện, nghiên cứu đề xuất tích hợp dữ liệu điện thương mại để phản ánh sức sống của từng tiểu ngành vào ban đêm dựa trên mức độ tiêu thụ điện thương mại vào ban đêm.

Nhóm nhân tố 2: hoạt động các cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ công cộng. Một nguyên lý khác của sự phát triển NTE là số lượng cơ sở thương mại và dịch vụ công cộng trong thành phố (Bianchini, 1995). Đứng trên phương diện cung, một khu vực kinh doanh đủ ánh sáng với đầy đủ tiện ích thương mại và công cộng vào ban đêm sẽ dễ tiếp cận hơn với khách hàng mục tiêu so với các cửa hàng nằm rải rác dọc theo những con phố nhỏ, tối tăm (Rowe & cs., 2008). Vì thế, số lượng doanh nghiệp mở cửa vào ban đêm được xem như là một nhân tố quan trọng có ảnh hưởng đến sự phát triển của NTE.

Nhóm nhân tố 3: sự đa dạng của các loại hình dịch vụ. Trong các nghiên cứu liên quan đến yếu tố ảnh hưởng đến phát triển NTE thời gian qua, việc quảng bá cho phát triển NTE phải được thực hiện thông qua sự đa dạng nhiều loại hình dịch vụ khác nhau vào ban đêm (Hollands & Chatterton, 2002). Yếu tố cơ bản của một NTE thành công là

sự hiện diện của khách hàng – trong đó nhấn mạnh đến du khách đến từ nhiều nơi khác nhau, với sự đa dạng trong độ tuổi và nghề nghiệp (Rowe & cs., 2008). Hoạt động của NTE sẽ đa dạng nếu nó tập hợp nhiều phân khúc khách hàng và dân cư sở tại tham gia vào quá trình đó, từ đó nâng cao sức sống của thành phố. Ngay cả những người không quen ra ngoài vào ban đêm cũng có thể tham gia các hoạt động của NTE khi cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ cho các đối tượng khách hàng.

Nhóm nhân tố thứ 4: các chính sách từ chính quyền địa phương. Nhiều nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng, sự phát triển thịnh vượng của NTE không thể tách rời khỏi các chính sách liên quan của chính phủ (Roberts & Eldridge, 2009). Cụ thể, dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, quán bar và câu lạc bộ, công viên và các địa điểm giải trí về đêm khác không được phép mở cửa đến khuya nếu không có giấy phép của chính quyền sở tại. Chính sách cung cấp điện vào ban đêm, hệ thống giao thông công cộng, an ninh đô thị và bảo vệ môi trường, tất cả đều cần thiết để đảm bảo duy trì NTE (Hobbs & cs., 2003). Như vậy, các chính sách từ chính quyền địa phương sẽ phần nào ảnh hưởng đến sự phát triển của NTE tại các đô thị.

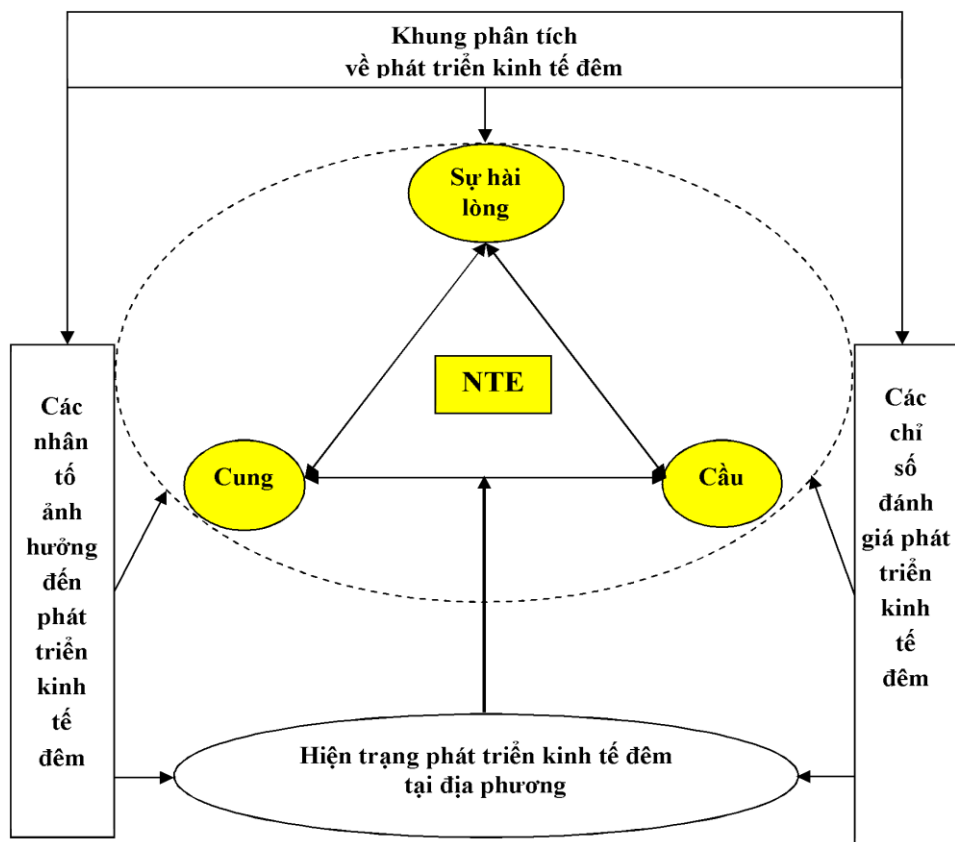
Nhóm nhân tố thứ 5: sự phát triển ngành du lịch. Trong các nghiên cứu về du lịch, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển du lịch đã được thảo luận từ lâu. Hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng sự phát triển của ngành du lịch và tăng trưởng kinh tế địa phương có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau (Lin & cs., 2019). Với mối tương quan tích cực giữa du lịch và nền kinh tế, sự phát triển của NTE sẽ thúc đẩy phát triển du lịch và ngược lại. Người dân địa phương và khách du lịch không phải người địa phương là những đối tượng tiêu dùng chính của NTE. Thông qua việc tổ chức các sự kiện và lễ hội văn hóa, đi dạo ban đêm, các điểm tham quan, ngành du lịch thúc đẩy hoạt động tiêu dùng vào ban đêm bằng cách cung cấp cho người dân địa phương và khách du lịch các sản phẩm và dịch vụ khác nhau thể hiện

nét quyến rũ và đặc trưng của thành phố; những dịch vụ này có thể thúc đẩy tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu địa phương (Heath, 1997). Ngược lại, sự phát triển NTE có thể khuyến khích du lịch bằng cách thu hút khách du lịch và các bộ phận dân cư địa phương khác nhau để trải nghiệm cuộc sống về đêm ở thành thị (Grazian, 2008) và bằng cách thúc đẩy các ngành công nghiệp lân cận du lịch như ăn uống, lưu trú và vận chuyển (Hobbs & cs., 2005).

Nhóm nhân tố thứ 6: sự hài lòng của khách hàng. Sự hài lòng của khách hàng là một chỉ số định tính cơ bản từ phía cầu, cực kì quan trọng trong việc tìm hiểu sở thích, trải nghiệm và hành vi mua hàng lặp lại của người tiêu dùng; chỉ số này trực tiếp dẫn đến khả năng sinh lời và tăng trưởng cao hơn (Dupeyras & MacCallum, 2013). NTE đã chứng kiến sự chuyển đổi từ bán sản phẩm sang cung cấp nhiều dịch vụ và phong cách sống đa dạng. Các yếu tố vật chất và hữu hình của các sản phẩm và dịch vụ giải trí về đêm cũng ngày càng trở nên khác biệt dựa trên những phẩm chất vô hình của chúng (tức là các yếu tố thẩm mỹ và cảm xúc) trong xây dựng thương hiệu (Hollands & Chatterton, 2003). Sự phát triển của NTE sẽ không bền vững nếu người dân địa phương và khách du lịch có những trải nghiệm không hài lòng (Mao & cs., 2020). Nói cách khác, sự hài lòng của người dân và du khách là điều cần thiết để xác định liệu NTE có thể tiếp tục phát triển hay không. Nếu du khách hài lòng với chuyến đi tới thành phố, họ sẽ có nhiều khả năng quay trở lại; nếu người dân địa phương tận hưởng cuộc sống trong thành phố vào ban đêm, họ sẽ sẵn sàng đi nhiều hơn vào ban đêm với gia đình và bạn bè của họ (Heath, 1997). Quan trọng hơn, thành phố sẽ được tiếp thị một cách tự do và rộng rãi thông qua những lời truyền miệng của khách hàng, điều này sẽ thu hút nhiều người đến thành phố để tận hưởng ban đêm ở đó (Talbot, 2007). Sự hiểu biết về năng lực cạnh tranh của điểm đến bắt nguồn từ các khái niệm về lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh về giá (Dwyer & cs., 2000)

cũng như năng suất (Cracolici & cs., 2008). Tuy nhiên, các học giả cũng bắt đầu coi các yếu tố liên quan đến chất lượng, bao gồm các thành phần phi giá cả của nền kinh tế khu vực (ví dụ trải nghiệm và sự hài lòng của người tiêu dùng) và chất lượng cuộc sống (hoặc phúc lợi), là những yếu tố quyết định khả năng cạnh tranh (Dupeyras & MacCallum, 2013). Ví dụ, Dmitrovic (2009) đề xuất một mô hình khái niệm về sự hài lòng của khách du lịch ở cấp độ điểm đến làm cơ sở cho việc giám sát và cải thiện liên tục khả năng cạnh tranh của điểm đến. Gần đây hơn, Guizzardi và Mariani (2021) đã phát triển ma trận mức độ hài lòng điểm đến động để theo dõi sự hài lòng của khách du lịch ở cấp quốc gia theo thời gian (tức là theo chiều dọc). Ma trận này tiết lộ sự hài lòng của khách du lịch có thể chuyển thành khả năng cạnh tranh điểm đến nâng cao như thế nào.

Phương tiện truyền thông xã hội đại diện cho một nguồn thông tin quan trọng ảnh hưởng đến việc ra quyết định của người tiêu dùng trong kỷ nguyên số. Phản hồi của người tiêu dùng là rất quan trọng để hiểu rõ hơn về sự hài lòng của người tiêu dùng và khả năng cạnh tranh của NTE. Thông tin này có thể hướng dẫn các quyết định trong tương lai bằng cách phản ánh khả năng mua hàng lặp lại, thiết kế các chương trình khuyến mãi hiệu quả và cải thiện khả năng cạnh tranh của điểm đến trong tương lai để tạo ra lợi ích kinh tế (Dupeyras & MacCallum, 2013). Về bản chất, khả năng cạnh tranh ngày càng tăng hàm ý sự thịnh vượng hoặc sức sống ngày càng tăng. Do tầm quan trọng của sự hài lòng của người tiêu dùng, dữ liệu về xếp hạng đánh giá trực tuyến của từng phân ngành ban đêm đã được đưa vào hệ thống chỉ số của chúng tôi để đánh giá sức sống của NTE từ các góc độ chủ quan.



(Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất, 2024)

Hình 1. Khung phân tích về phát triển kinh tế đêm

Khung phân tích về phát triển kinh tế đêm dựa trên sáu nhóm chỉ số cơ bản: (1) các chỉ số có liên quan đến sức sống dịch vụ ăn uống ban đêm (*a catering vitality index*); (2) các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ mua sắm ban đêm (*shopping vitality index*); (3) các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ du lịch (*touring vitality index*); (4) các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ giải trí (*recreation vitality index*); (5) các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ lưu trú (*accommodation vitality index*); (6) các chỉ số liên quan đến sức sống

dịch vụ chăm sóc sức khỏe (*fitness vitality index*). Mỗi chỉ số được đánh giá trên ba khía cạnh là cung, cầu và sự hài lòng của khách hàng. Thang điểm từ 1–5 được sử dụng để đo lường mức độ hài lòng của khách hàng. Các chỉ tiêu riêng lẻ trong mỗi chỉ số được lựa chọn dựa trên mức độ phù hợp, tính đúng đắn trong phân tích, tính kịp thời và khả năng tiếp cận theo định nghĩa, bản chất và các yếu tố ảnh hưởng đến NTE. Toàn bộ các chỉ số được kế thừa từ nghiên cứu của Chatterton và Hollands (2002) cũng như Lin và cộng sự (2022).

Bảng 1. Tổng hợp các chỉ số đánh giá phát triển kinh tế đêm dựa trên khung phân tích

Chỉ số đánh giá phát triển kinh tế đêm	Khía cạnh đánh giá	Kí hiệu	Chỉ tiêu cụ thể
(1) Các chỉ số có liên quan đến sức sống dịch vụ ăn uống ban đêm	Cung	CVIS1	Số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống ban đêm trên 10.000 dân
		CVIS2	Tiêu thụ điện thương mại vào ban đêm từ phục vụ ăn uống trên 10.000 dân (kWh)
	Cầu	CVID1	Tỉ lệ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống mở cửa sau 10 giờ tối
		CVID2	Chỉ tiêu bình quân đầu người cho bữa ăn ban đêm (USD)
		CVID3	Số người sử dụng dịch vụ ăn uống ban đêm trên 10.000 dân
		CVID4	Tỉ lệ chi tiêu cho việc phục vụ ăn uống sau 10 giờ tối
		CVID5	Tỉ lệ người tiêu dùng ăn uống sau 10 giờ tối
	Sự hài lòng của khách hàng	CVISA	Về dịch vụ ăn uống vào ban đêm
(2) Các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ mua sắm ban đêm	Cung	SVIS1	Số khu kinh doanh ban đêm trên 10.000 dân
		SVIS2	Số lượng cửa hàng tiện lợi 24 giờ trên 10.000 dân
		SVIS3	Tiêu thụ điện thương mại vào ban đêm từ mua sắm trên 10.000 dân (kWh)
	Cầu	SVID1	Chỉ tiêu bình quân đầu người cho mua sắm vào ban đêm (USD)
		SVID2	Số người mua sắm ban đêm trên 10.000 dân
		SVID3	Tỉ lệ chi tiêu mua sắm sau 10 giờ tối
		SVID4	Tỉ lệ người mua hàng sau 10 giờ tối
	Sự hài lòng của khách hàng	SVISA1	Về dịch vụ mua sắm vào ban đêm
(3) Các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ du lịch	Cung	TVIS1	Số lượng điểm tham quan hoạt động vào ban đêm
	Cầu	TVID1	Chỉ tiêu bình quân đầu người cho các chuyến du lịch ban đêm (USD)

		TVID2	Số lượng khách vào ban đêm trên 10.000 dân
		TVID3	Tỉ lệ chi tiêu cho các chuyến du lịch sau 22h
		TVID4	Tỉ lệ khách vào ban đêm sau 22h
	Sự hài lòng của khách hàng	TVISA	Về dịch vụ du lịch, tham quan vào ban đêm
(4) Các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ giải trí	Cung	RVIS1	Số cơ sở kinh doanh giải trí vào ban đêm trên 10.000 dân
		RVIS2	Tiêu thụ điện thương mại vào ban đêm từ hoạt động giải trí trên 10.000 dân (kWh)
		RVIS3	Tỉ lệ cơ sở kinh doanh giải trí mở cửa sau 10 giờ tối
	Cầu	RVID1	Chỉ tiêu bình quân đầu người cho giải trí ban đêm (USD) 16,25
		RVID2	Số lượng người tiêu dùng giải trí vào ban đêm trên 10.000 dân
		RVID3	Tỉ lệ chi tiêu cho việc giải trí sau 10 giờ tối (%) 16,25
		RVID4	Tỉ lệ người tiêu dùng giải trí sau 10 giờ tối (%)
	Sự hài lòng của khách hàng	RVISA	Về dịch vụ giải trí vào ban đêm
(5) Các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ lưu trú	Cung	AVIS1	Số lượng khách sạn được xếp hạng sao trên 10.000 dân
		AVIS2	Tiêu thụ điện thương mại vào ban đêm từ chỗ ở trên 10.000 người (kWh)
	Cầu	AVID1	Chỉ tiêu bình quân đầu người cho chỗ ở qua đêm (USD)
		AVID2	Số lượng khách lưu trú qua đêm trên 10.000 dân
		AVID3	Tỉ lệ chi tiêu cho chỗ ở sau 10 giờ tối
		AVID4	Tỉ lệ khách lưu trú tại khách sạn sau 22h
	Sự hài lòng của khách hàng	AVISA	Về dịch vụ lưu trú vào ban đêm
(6) Các chỉ số liên quan đến sức sống dịch vụ chăm sóc sức khỏe	Cung	FVIS1	Số địa điểm thể thao ban đêm trên 10.000 dân
		FVIS2	Tiêu thụ điện thương mại vào ban đêm từ công suất trên 10.000 dân (kWh)
	Cầu	FVID1	Chỉ tiêu bình quân đầu người cho thể dục vào ban đêm (USD)
		FVID2	Số người tập thể dục ban đêm trên 10.000 dân
		FVID3	Tỉ lệ chi tiêu cho việc tập thể dục sau 10 giờ tối
		FVID4	Tỉ lệ người tập thể dục sau 10 giờ tối.
	Sự hài lòng của khách hàng	FVISA	Về dịch vụ chăm sóc sức khỏe vào ban đêm

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất, 2024)

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu bước đầu luận bàn đến nguồn gốc, quan điểm, vai trò của kinh tế đêm. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả đề xuất khung phân tích với việc tập trung vào làm rõ yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đêm; các chỉ tiêu đo lường/đánh giá phát triển kinh tế đêm trên nền tảng của tiếp cận cung – cầu và sự hài lòng của khách hàng. Sáu khía cạnh khác nhau về dịch vụ trong phát triển kinh tế đêm bao gồm: (1) sức sống dịch vụ ăn uống ban đêm; (2) sức sống dịch vụ mua sắm ban đêm; (3) sức sống dịch vụ du lịch; (4) sức sống dịch vụ giải trí; (5) sức sống dịch vụ lưu trú; (6) sức sống dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Dựa trên sáu khía cạnh khác nhau, tác giả đã làm rõ hơn bộ chỉ tiêu cụ thể để đánh giá phát triển kinh tế đêm. Nghiên cứu tiếp theo sẽ triển khai thu thập dữ liệu, đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế đêm tại một địa phương cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Beer, C. (2011). Centres that never sleep? Planning for the night-time economy within the commercial centres of Australian cities. *Australian Planner*, 48(3), 141–147. DOI: 10.1080/07293682.2011.581245
- Bianchini, F. (1995). Night cultures, night economies. *Planning Practice & Research*, 10(2), 121–126. DOI: 10.1080/02697459550036667
- Chatterton, P., & Hollands, R. (2002). Theorising urban playscapes: producing, regulating and consuming youthful nightlife city spaces. *Urban Studies*, 39(1), 95–116. DOI: 10.1080/00420980220099096
- Chen, X., & Nordhaus, W. D. (2011). Using luminosity data as a proxy for economic statistics. *Proceedings of the National Academy of Sciences*, 108(21), 8589–8594. DOI: 10.1073/pnas.1017031108
- Dupeyras, A., & MacCallum, N. (2013). Indicators for Measuring Competitiveness in Tourism: A Guidance Document. *OECD Tourism Papers. France: OECD Publishing*. DOI: 10.1787/5k47t9q2t923-en
- Dwyer, L., Forsyth, P., & Rao, P., (2000). The price competitiveness of travel and tourism: a comparison of 19 destinations. *Tourism Management*, 21(1), 9–22. DOI: 10.1016/S0261-5177(99)00081-3
- Guizzardi, A., & Mariani, M. M., (2021). Introducing the dynamic destination satisfaction method: an analytical tool to track tourism destination satisfaction trends with repeated cross-sectional data. *Journal of Travel Research*, 60(5), 965–980. DOI: 10.1177/0047287520958205
- Heath, T. (1997). The twenty-four hour city concept-A review of initiatives in British cities. *Journal of Urban Design*, 2(2), 193–204. DOI: 10.1080/13574809708724404
- Henderson, J. V., Storeygard, A., & Weil, D. N. (2012). Measuring economic growth from outer space. *American Economic Review*, 102(2), 994–1028. DOI: 10.1257/aer.102.2.994
- Hobbs, D., Winlow, S., & Hadfield, P. (2005). Violent hypocrisy. *European Journal of Criminology*, 2(2), 161–183. DOI: 10.1177/1477370805050864
- Hollands, R., & Chatterton, P. (2003). Producing nightlife in the new urban entertainment economy: corporatization, branding and market segmentation. *International Journal of Urban and Regional Research*, 27(2), 361–385. DOI: 10.1111/1468-2427.00453
- Lin, V.S., Yang, Y., Li, G. (2019). Where can tourism-led growth and economy-driven tourism growth occur? *Journal of Travel Research*, 58(5), 760–773. DOI: 10.1177/0047287518773919
- Lin, V. S., Qui, Y., Ying, T., Shen, S., & Lyu, G. (2022). Night-time economy vitality index: Framework and evidence. *Tourism Economics*, 28(3), 665–691. DOI: 10.1177/13548166211042970

- Lovatt, A., & O'Connor, J. (1995). Cities and the night-time economy. *Planning Practice & Research*, 10(2), 127–134. DOI: 10.1080/02697459550036676
- McArthur, J., Robin, E., & Smeds, E. (2019). Socio-spatial and temporal dimensions of transport equity for London's night time economy. *Transportation Research Part A: Policy and Practice*, 121, 433–443. DOI: 10.1016/j.tra.2019.01.024
- Monaghan, L. F. (2002). Regulating 'unruly' bodies: work tasks, conflict and violence in Britain's night-time economy. *The British journal of sociology*, 53(3), 403–429. DOI: 10.1080/0007131022000000572
- Phạm Đình Long & Nguyễn Huỳnh Mai Trâm. (2021). Phát triển mô hình du lịch kinh tế đêm ở An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu*, 01(09), 81–89
- Philpot, R., Liebst, L., & Moller, K. (2019). Capturing violence in the night-time economy: a review of established and emerging methodologies. *Aggression and Violent Behavior*, 46, 56–65, DOI: 10.1016/j.avb.2019.02.004
- Roberts, M., & Eldridge, A. (2009). *Planning the Night-Time City*. London: Routledge
- Rowe, D., Stevenson, D., & Tomsen, S. (2008). *The City after Dark: Cultural Planning and Governance of the Night-Time Economy in Parramatta*. Penrith South: NSW Center for Cultural Research, University of Western Sydney.
- Shaw, R. (2010). Neoliberal subjectivities and the development of the night-time economy in British cities. *Geography Compass*, 4(7), 893–903. DOI: 10.1111/j.1749-8198.2010.00345.x
- Talbot, D. (2007). *Regulating the Night: Race, Culture and Exclusion in the Making of the Night-Time Economy*. London: Routledge.
- Wolifso, P., & Drozdewski, D. (2017). Co-opting the Night: The Entrepreneurial Shift and Economic Imperative in NTE Planning. *Urban Policy and Research*, 35(4), 486–504. DOI: 10.1080/08111146.2016.1155983
- Yeo, S. J., & Heng, C. K. (2014). An (extra) ordinary night out: urban informality, social sustainability and the night-time economy. *Urban Studies*, 51(4), 712–726. DOI: 10.1177/0042098013489743